

BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NÓI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRONG MÔN TIẾNG VIỆT

TS. TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG*

1. Chương trình Tiếng Việt tiểu học (TH) và yêu cầu rèn kĩ năng (KN) nói cho học sinh (HS)

Năng lực (NL) ngôn ngữ và giao tiếp của HS được hình thành, phát triển qua các môn học và hoạt động giáo dục. Phát triển NL sử dụng ngôn ngữ cả dạng nói và dạng viết là xu hướng chung của chương trình dạy tiếng của nhiều nước hiện nay. Ở bậc TH, việc dạy tiếng thường bắt đầu bằng KN nói để giúp cho quá trình học ngôn ngữ của HS trở nên tự nhiên, dễ dàng hơn. Ở Việt Nam, Chương trình môn Tiếng Việt TH hiện nay đã chú trọng việc rèn KN nói cho HS, bao gồm các KN: sử dụng nghi thức lời nói; đặt và trả lời câu hỏi; thuật việc, kể chuyện; phát biểu, thuyết trình. Nội dung rèn KN nói được thể hiện trong nhiều bài học của sách giáo khoa (SGK) môn Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5. Nhưng để HS thực sự phát triển được KN nói qua từng giai đoạn học tập, giáo viên (GV) phải có biện pháp dạy học phù hợp, tạo được ở HS nhu cầu biểu đạt ý kiến cá nhân, thể hiện những ý tưởng mới mẻ, sáng tạo trong học tập và trong giao tiếp, giữ được sự chân thực, hồn nhiên, trong sáng trong cách nói, giọng nói...

2. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả rèn KN nói cho HS

Theo Chương trình môn Tiếng Việt hiện nay, HS TH được rèn luyện KN phát âm (trong giai đoạn học vần và luyện đọc thành tiếng), KN hội thoại (HT) (tương ứng với KN sử dụng nghi thức lời nói, đặt và trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận), KN đọc thoại (tương ứng với KN nói theo chủ đề, thuật việc, kể chuyện, phát biểu, thuyết trình). HS chỉ có thể có được lời nói tự nhiên khi các em thực sự "sống" trong tình huống giao tiếp đó. GV có thể tham khảo và vận dụng một số cách làm dưới đây:

2.1. Rèn KN phát âm. Mỗi vùng, mỗi địa phương, thậm chí mỗi HS có những lỗi phát âm khác nhau. Do đó, GV cần phát hiện lỗi riêng của từng HS để có biện pháp hỗ trợ phù hợp. Ví dụ: a) Phát âm chuẩn để sửa cho những HS mắc lỗi về phát âm, yêu cầu HS quan sát khẩu hình khi GV phát âm và nghe GV miêu tả cách phát âm. Sau đó cho các em thực hành theo; b) Khuyến khích HS đặt câu với âm - vần - thanh dễ lẫn; c) Tổ chức trò chơi luyện phát âm vào những thời

điểm thích hợp (tìm nhanh - đọc đúng câu chứa âm - vần - thanh dễ đọc sai, lẫn); d) Khuyến khích HS sưu tầm, ghi chép và học thuộc các bài, đoạn thơ có các âm - vần - thanh dễ đọc sai, lẫn. Hiện tượng HS nói ngọng hoặc phát âm sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương là hiện tượng phổ biến ở các trường TH, nhất là ở những lớp đầu cấp. Để khắc phục hiện tượng này đòi hỏi GV cần thường xuyên uốn nắn, rèn luyện cách phát âm cho HS. Vì nhận biết cách phát âm chuẩn sẽ giúp các em viết đúng chính tả sau này.

2.2. Rèn KN HT

2.2.1. KN sử dụng nghi thức lời nói. Để dạy các nghi thức lời nói, GV tổ chức cho HS đóng vai (nhập vai) nhân vật trong các tình huống giao tiếp cụ thể để nói được lời đối thoại tự nhiên, sinh động. GV cần: - Tạo dựng các tình huống giao tiếp tương tự với những tình huống giao tiếp diễn ra hàng ngày của HS (chào thầy, cô, các bạn khi vào lớp, lúc ra về...), hoặc tình huống giả định (HS ngồi trong lớp nhưng đóng vai ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, các em nhỏ... trong các khung cảnh không gian khác nhau) để luyện tập các nghi thức lời nói. Các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đội... là những lúc thích hợp cho việc rèn luyện các nghi thức lời nói trong giao tiếp chính thức (nói lời bắt đầu, kết thúc cuộc họp, cách bày tỏ sự tán thành, bác bỏ hay bảo vệ một ý kiến; - Hướng dẫn HS xác định rõ vai giao tiếp và yêu cầu giữ đúng vai giao tiếp trong cuộc HT. Nhận biết đúng vai giao tiếp sẽ giúp HS lựa chọn được cách xưng hô thích hợp và thái độ đúng mực khi nói. GV cần hướng dẫn HS nói mẫu trong một số tình huống cụ thể để sau đó thực hành, luyện tập trong các tình huống tương tự. Ví dụ, ở tiết dạy *Nói lời cảm ơn (Tập làm văn lớp 2)*, SGK đưa ra bài tập: *Nói lời cảm ơn của em trong những trường hợp sau: + Bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa; + Cô giáo cho em mượn quyển sách; + Em bé nhặt hộ em chiếc bút rơi.* Trong mỗi tình huống trên, nhân vật nói lời cảm ơn giữ các vai khác nhau: vai ngang hàng (nói với bạn bè), vai người bậc dưới nói với bậc trên (HS nói

* Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

với cô giáo), vai anh/chị) nói với các em. Để giữ đúng vai trong giao tiếp, GV cần chú ý hướng dẫn HS xác định sự khác biệt trong cách dùng từ xưng hô và cách nói lời cảm ơn phù hợp với nhân vật trong mỗi tình huống giao tiếp; - Hướng dẫn HS xác định rõ mục đích giao tiếp. Các nhà ngôn ngữ học đã chỉ ra ba đích của giao tiếp, đó là: đích thuyết phục, đích truyền cảm, đích hành động. Nhân vật tham gia HT thường chủ động thực hiện cả ba đích giao tiếp, trong đó, có thể có đích được ưu tiên hay chú trọng hơn. Khi hướng dẫn HSHT, GV phải giúp các em nhận ra đích giao tiếp trong HT của các nhân vật tham gia HT. Chẳng hạn, trong tình huống nói lời cảm ơn trên đây, GV cần giúp HS nhận rõ đích giao tiếp được chú trọng chính là đích truyền cảm. Để HS tạo được lời cảm ơn tự nhiên, chân thành, GV có thể nêu câu hỏi hoặc gợi ra các tình huống tương đồng hoặc đối lập, khích lệ HS suy nghĩ để chọn lựa cách nói của mình; - Định hướng HS lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp phù hợp với nhân vật giao tiếp, nội dung giao tiếp, tình huống giao tiếp,... Việc sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ nói, gắn với văn hóa ứng xử bằng ngôn ngữ luôn được đề cập trong các tình huống luyện nói ở môn *Tiếng Việt*. Trong đó, có một hệ thống từ ngữ chức năng có tác dụng cấu tạo dạng hỏi, dạng yêu cầu, mời mọc, đề nghị... và lời đáp tương ứng. Do đó, khi dạy các nghi thức thuộc dạng nào, GV cần giúp HS nhận ra các sắc thái biểu cảm trong các từ ngữ đó để HS có thể chủ động lựa chọn sao cho đúng nghi thức, phù hợp với tình huống, mục đích và vai giao tiếp; - Tổ chức cho HS thực hành HT theo hình thức đóng vai. Khi tổ chức cho HS đóng vai, GV cần chú ý khai thác, phát hiện và phát triển NL sử dụng ngôn ngữ của mỗi em, tạo cơ hội để các em tạo lập được lời nói tự nhiên và mang sắc thái cá nhân.

2.2.2. KN đặt và trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.

Việc dạy HS KN đặt và trả lời câu hỏi, KN trao đổi, thảo luận cũng đặt ra yêu cầu giúp HS hiểu mục đích HT, tình huống HT, vai HT, cách tổ chức lời thoại. Việc *thực hành trao đổi, trò chuyện với người khác* là tình huống giao tiếp phức tạp. GV nên thay đổi hợp lí các hình thức: GV hỏi - HS trả lời, HS hỏi - HS trả lời hoặc HT theo nhóm lớn hơn (3-5 em). GV cần hướng dẫn HS biết cách tranh luận khi nghe bạn phát biểu ý kiến. GV có thể gợi ý để HS đặt ra các câu hỏi mở đối với người nói, tán thành hoặc không tán thành ý kiến người nói, phát triển ý của người nói theo các hướng mới... Trong các cuộc tranh luận, GV chỉ đóng vai trò hướng dẫn, gợi mở, không làm thay việc của HS hoặc áp đặt ý kiến chủ quan của GV cho HS. Các cuộc tranh luận nên xoay quanh các vấn đề gắn với cuộc sống thực của HS ở trường và ở nhà. Khi hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận,

GV cần: - Giúp HS nhận biết thế nào là sự luân phiên *lượt lời*, sự đổi vai từ người nói sang người nghe và ngược lại trong quá trình HT, tránh tình trạng thụ động, máy móc trong việc đưa ra các lời thoại; - Dành thời gian hoặc nêu các câu hỏi để HS suy nghĩ hoặc tranh luận để dự đoán/phán đoán câu đáp của người HT và dự kiến lời thoại tiếp theo của mình, lưu ý HS khi tạo ra các *lượt lời* luân phiên sau mỗi cặp *trao - đáp* cần luôn có ý thức hướng vào thực hiện được đích giao tiếp; - Tổ chức cho HS đóng vai thực hiện HT có sự luân phiên lượt lời. Để HS có thể tạo ra các lượt lời *trao - đáp* một cách tự nhiên, chủ động, luôn hướng vào đích giao tiếp, GV cần tạo ra môi trường HT thoải mái, cởi mở sao cho HS cảm thấy tự tin và mạnh dạn vận dụng KN và kinh nghiệm giao tiếp sẵn có của mình. GV nhắc HS tập trung lắng nghe lời *trao* của người HT để có thể đưa ra lời thoại thích hợp; - Tổ chức cho HS góp ý, nhận xét, đánh giá lẫn nhau và đề xuất cách khắc phục. GV khuyến khích HS chia sẻ kinh nghiệm giao tiếp với nhau trong quá trình HT, qua đó, sẽ giúp HS học hỏi lẫn nhau và tự làm giàu vốn kinh nghiệm HT của mình.

2.3. Rèn KN độc thoại

2.3.1. *KN kể chuyện đã nghe, đã đọc.* Kiểu bài *kể lại câu chuyện được nghe thấy, cô kể trên lớp* đã rất quen thuộc với HS. Đây là kiểu bài rèn luyện ở HS các KN: *nghe - ghi nhớ - kể lại* câu chuyện. Để giúp HS kể lại được câu chuyện vừa được nghe, GV cần có biện pháp kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn, thu hút sự chăm chú lắng nghe của HS. Cần hướng dẫn HS ghi nhớ diễn biến câu chuyện với các tình tiết, sự việc chính để các em có thể kể lại được câu chuyện ngay trong giờ học. Ví dụ: - GV vừa kể chuyện vừa kết hợp ghi lên bảng những tình tiết, sự kiện chính theo hình thức sơ đồ để giúp HS dễ nhớ nội dung câu chuyện; - Cho HS ngồi thành vòng tròn để nghe. Khi kể, GV kết hợp làm động tác, điệu bộ, nét mặt và sử dụng tranh ảnh... để miêu tả, HS vừa lắng nghe, vừa quan sát, vừa làm động tác theo GV; - Trong quá trình kể, nên kết hợp nêu các câu hỏi để thu hút HS nghe một cách chủ động sáng tạo, ví dụ như: yêu cầu HS phán đoán sự việc sắp diễn ra sẽ như thế nào; kiểm tra trí nhớ của HS về các sự kiện đã kể có liên quan đến tình tiết, sự kiện đang nói tới; yêu cầu HS đưa ra nhận xét, đánh giá về nhân vật, sự kiện;... - Tổ chức cho HS diễn lại câu chuyện vừa nghe như một vở kịch. Có thể chia HS thành các nhóm nhỏ để miêu tả lại các nhân vật (vẽ hình nhân vật, chuẩn bị phục trang,...), một số nhóm khác thì chuẩn bị hoặc làm những vật dụng có trong câu chuyện... Cách làm này khiến câu chuyện đi ra đời sống thực, đồng thời giúp HS tự tin hơn.

Kiểu bài kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc (ở lớp 4

lớp 5) đòi hỏi HS huy động trí nhớ hoặc phải suy tầm, tìm đọc các câu chuyện có liên quan đến chủ điểm được học, qua đó các em được rèn KN nghe (hoặc đọc), ghi nhớ và kể lại câu chuyện đã nghe hoặc đã đọc theo cách hiểu của riêng mình. Điều khó khăn đối với HS khi học kiểu bài này là phải nhớ được hoặc tìm được câu chuyện phù hợp *chủ điểm*. Việc nhớ và tìm được các câu chuyện thuộc một chủ điểm học tập nào đó không đơn giản đối với HS TH. HS chỉ có thể thực hiện tốt nhiệm vụ khi GV giúp các em triển khai phân tích triệt để các khía cạnh, tầng bậc nội dung của chủ điểm.

– 2.3.2. *KN kể lại hoạt động hoặc câu chuyện đã tham gia, chứng kiến*. Đây là kiểu bài đòi hỏi sự sáng tạo ở HS. HS phải nhớ lại những câu chuyện mình đã chứng kiến hoặc tham gia có nội dung gắn với chủ điểm yêu cầu, sắp xếp lại các chi tiết sao cho có đầu có cuối rồi kể lại trước lớp. Để giúp HS thực hiện được yêu cầu của loại bài học này, GV cần: - Giúp HS tìm hoặc lựa chọn được “vấn đề có thực trong đời sống” để sắp xếp, xây dựng thành câu chuyện. Các em được rèn KN phát hiện, chọn lựa trong vô vàn những chuyện thường ngày, những sự việc nào có thể kể lại thành một câu chuyện có nhân vật, có sự kiện, có diễn biến, có mở đầu và kết thúc, gắn với chủ điểm yêu cầu. GV chú ý luyện cho HS KN quan sát, nhận xét, ghi nhớ các sự việc diễn ra với mình hoặc xung quanh mình và kể lại được một cách trung thực những điều mắt thấy tai nghe đó; - Khuyến khích HS kể được những câu chuyện có thật, dù còn đơn giản, ít tình tiết thậm chí cũng chưa có yếu tố “chuyện” trong đó. Vì như vậy, giờ học sẽ thực sự thú vị bởi các câu chuyện HS kể sẽ mang đậm dấu ấn cá nhân, từ cách sắp xếp các sự kiện, cách diễn đạt, ngữ điệu, cử chỉ cho đến cách đánh giá, nhìn nhận sự việc, nhân vật... Khi học kiểu bài này, GV cần giúp HS xác định các biểu hiện phong phú của nội dung chủ điểm được học, mặt khác, giúp các em khẳng định có rất nhiều những câu chuyện diễn ra hàng ngày trong cuộc sống, nếu chú ý quan sát, ghi nhớ và biết cách kể lại.

2.3.3. *KN nói theo chủ đề, phát biểu, thuyết trình*. *Nói theo chủ đề* là một yêu cầu học tập giúp HS phát triển ngôn ngữ. Tuy nhiên, do vốn tiếng Việt của HS TH còn hạn chế, một số chủ đề trong SGK các em chưa có điều kiện làm quen... nên việc tổ chức dạy học nội dung này gặp nhiều khó khăn. Khi dạy HS nói theo chủ đề, GV cần giúp HS: - Xác định rõ chủ đề (vấn đề) cần nói; - Triển khai chủ đề thành những nội dung cụ thể; - Lựa chọn nội dung nói thích hợp với sở thích và vốn hiểu biết của mình; - Hình thành dàn ý cho bài nói; - Thực hành nói với sự kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ. Để giúp HS triển khai ý trong bài nói, hình thành nội dung cần nói về một chủ đề, GV có thể

sử dụng loại bài tập luyện cách nói dựa theo câu hỏi định hướng hoặc trả lời câu hỏi. Một số chuyên gia cho rằng cần phải dạy cho HS kĩ năng nói từ lớp 1 và kéo dài suốt những năm phổ thông, qua hình thức diễn thuyết trước lớp, mỗi tuần một lần, HS lần lượt đứng trước lớp và nói về một chủ đề. Có thể nói về món ăn ưa thích, màu sắc ưa thích... và lí giải tại sao. Được nói về những chủ đề mà HS hứng thú, các em sẽ ngày càng tự tin và được bồi đắp cảm hứng chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc với mọi người xung quanh, đồng thời còn rèn luyện KN nói trước đông người.

3. Một số điều kiện để phát triển KN nói của HS

3.1. *Chủ điểm, chủ đề luyện nói*. Phải phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi HS TH ở mỗi giai đoạn. Nội dung của mỗi chủ điểm cần được xem xét hài hoà giữa nhu cầu hiểu biết và tâm, sinh lí của trẻ với mong muốn của người lớn. HS chỉ có thể phát huy cao độ khả năng nghe, nói, đọc, viết khi các em được nghe, được nói, được đọc, được viết về những vấn đề các em quan tâm, yêu thích, có nhu cầu tìm hiểu, khám phá.

3.2. *Hình thức tổ chức hoạt động luyện nói*. Để việc rèn luyện KN nói có hiệu quả, hình thức tổ chức luyện nói phải tạo được hứng thú học tập của HS. GV nên phân lớp thành các nhóm nhỏ vì HS trong lớp có tính cách khác nhau. Một số em chủ động, tự tin, nhưng lại có những em nhút nhát, e ngại khi phải đứng nói trước lớp. Nên tổ chức các nhóm hay các đội nhỏ để thực hiện những dự án nhỏ của lớp, điều này tạo cơ hội cho những em thiếu tự tin được thể hiện mình trong môi trường phù hợp. Khi các nhóm trình diễn, các thành viên trong nhóm đứng cùng với nhau, điều này giúp các em cảm thấy tự tin hơn. Khi HS tham gia vào nhóm hoạt động, GV cần theo dõi sát HS và không nên để sót em nào nào khi yêu cầu các em trả lời câu hỏi, đảm bảo tạo cơ hội cho tất cả các HS được nói trước lớp.

3.3. *Thực hành luyện nói trong các hoạt động ngoại khóa*. Các hoạt động ngoại khóa như: tham quan, dã ngoại, ca hát... tạo nhiều cơ hội để HS luyện nói. Chẳng hạn, với những buổi học hát, khi HS tập hát, các em sẽ vượt qua nỗi e sợ khi phải phát biểu, thuyết trình trước đông người. Vì khi các em có thể tự tin hát trước người khác, các em cũng sẽ tự tin nói trước đám đông. GV nên dùng những từ ngữ tích cực để động viên khuyến khích HS và thường xuyên vun đắp sự tự tin ở các em. Rèn luyện KN nói cho HS TH tạo điều kiện và thúc đẩy các em phát triển cả 4 KN sử dụng ngôn ngữ (nghe - nói - đọc - viết). Phát triển KN nói cho HS cũng góp phần vào việc giúp các em hình thành và phát triển các NL cần thiết như: NL ngôn ngữ

(Xem tiếp trang 116)

2.2.2. Đánh giá và lập kế hoạch nghiên cứu khoa học: Đây là NL cần thiết để báo cáo các kết quả khoa học. Nó phụ thuộc vào khả năng phân biệt câu hỏi khoa học từ các kiến thức khác nhau trong điều tra. NL này đòi hỏi phải có kiến thức đặc trưng về nghiên cứu khoa học. Cụ thể: + Xác định các câu hỏi có thể trả lời trong một nghiên cứu khoa học nhất định; + Phân biệt câu hỏi có thể điều tra bằng nghiên cứu khoa học; + Đề xuất khám phá một câu hỏi đưa ra một cách khoa học; + Đánh giá những cách khám phá một câu hỏi đưa ra một cách khoa học; + Mô tả và đánh giá một loạt các cách mà các nhà-khoa học sử dụng để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu và tính khách quan, khái quát của giả thuyết.

2.2.3. Giải thích dữ liệu và bằng chứng khoa học: NL này đòi hỏi phải sử dụng các công cụ toán học để phân tích hoặc tổng hợp dữ liệu và khả năng sử dụng các phương pháp để chuyển đổi dữ liệu. NL này cũng bao gồm việc truy cập thông tin khoa học, đưa ra và đánh giá lập luận, kết luận cơ bản dựa trên bằng chứng khoa học (Kuhn, 2010; Osborne, 2010). Nó cũng có thể thay đổi kết luận hay bác bỏ một kết luận và xác định các giả định trong việc đạt được kết luận. Cụ thể: + Chuyển đổi dữ liệu; + Phân tích, diễn giải dữ liệu và rút ra kết luận phù hợp; + Xác định các giả định, bằng chứng và lí luận trong văn bản khoa học; + Phân biệt giữa lập luận dựa trên bằng chứng khoa học và lí thuyết dựa trên những căn cứ khác; + Đánh giá luận cứ khoa học và bằng chứng từ các nguồn khác nhau (ví dụ: tạp chí, internet...).

2.3. Theo các biểu hiện của NL: Từ dấu hiệu nhận biết một người có NL khoa học theo dự thảo PISA 2015, chúng tôi cho rằng, biểu hiện của một người có NL khoa học đó là: + Sử dụng tri thức khoa học để giải thích, đánh giá và đưa ra các yêu cầu khoa học và diễn giải dữ liệu trong một loạt các tình huống phức tạp đòi hỏi yêu cầu cao của nhu cầu nhận thức; + Đưa ra kết luận từ nhiều vùng dữ liệu khác nhau, trong nhiều hoàn cảnh và cung cấp mối quan hệ nhân quả; + Luôn phân biệt được các câu hỏi khoa học và phi khoa học, giải thích mục đích điều tra và kiểm soát các biến có liên quan; + Chuyển đổi dữ liệu, giải thích dữ liệu phức tạp và chứng minh độ tin cậy và tính chính xác của các số liệu khoa học; + Xử lí các tình huống không quen thuộc và phức tạp; + Phát triển lí luận phê bình và đánh giá các giải thích, mô hình, giải thích các dữ liệu và thiết kế thử nghiệm đề xuất trong một loạt các bối cảnh cá nhân, địa phương và toàn cầu. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Sổ tay PISA - dành cho cán bộ quản lí giáo dục và giáo viên, H. 2010.
2. Bộ GD-ĐT. **PISA và các dạng câu hỏi**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.
3. OECD. PISA 2015 - draft science framework. 2013.
4. Richard A. Duschl, *Naturalizing the Nature of science: Melding Minds, Models, and Mechanisms*, The Pennsylvania State University, USA.

SUMMARY

Science is a very important role in education - training of the country's current stage. Therefore, teaching strategy and developing scientific competency of students is very important when teaching secondary school students. Scientific competency is one of the PISA assessment competencies. This article, we refer to the theoretical basis of scientific capabilities: the concept and structure. so that assess the capacity of the learning sciences.

Biện pháp nâng cao hiệu quả...

(Tiếp theo trang 119)

và giao tiếp, NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề... Đây là việc làm cần thiết trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển NL của người học hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Hòa Bình - Nguyễn Minh Thuyết. **Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ tiểu học**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.
2. Trần Thị Hiền Lương. "Rèn luyện 4 kĩ năng đọc, viết, nghe, nói trong dạy học tiếng Việt" ở Tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, số 24 (Số chuyên đề quý I năm 2002).
3. Nguyễn Trí. **Một số vấn đề dạy hợp tác cho học sinh tiểu học**. NXB Giáo dục, 2007.
4. *Sự tiếp thu tiếng mẹ đẻ ở trẻ em và việc dạy nói* (Tài liệu tổng thuật). *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, số 6/1992.

SUMMARY

Training speaking skill has been the focus of the lessons of Vietnamese. However, in order to develop students' speaking skills, teachers need to have appropriate teaching methods for each skill, such as pronunciation, conversation (questioning and answering, debate and discussion), monologue (theme speaking, storytelling, presentations) Teachers should motivate students to show their opinions, new ideas and creativeness and preserve their honesty and innocence in their voice and speech.